

**CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU HAPRO**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021**

---

**Hà Nội - Tháng 05 năm 2021**

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 27

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Rượu Hapro trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Rượu Hapro (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102164984 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 02 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 26 tháng 06 năm 2020.

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài: Hapro Volka Joint Stock Company.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 05 ngày 26/06/2020 là 32.978.600.000 đồng (Ba mươi hai tỷ, chín trăm bảy mươi tám triệu, sáu trăm nghìn đồng).

Địa chỉ trụ sở chính: Khu công nghiệp Hapro, xã Lệ Chi, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên sàn UpCOM với mã cổ phiếu là HAV.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Hội đồng quản trị**

Bà	Dương Thị Lam	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 16/07/2020)
Ông	Trần Vũ Tuấn	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 16/7/2020)
Ông	Đình Tiến Thành	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 16/07/2020)
Ông	Nguyễn Quang Vinh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 16/07/2020)
Ông	Phạm Ngọc Quý	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 16/7/2020)
Ông	Phạm Xuân Hà	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 16/7/2020)

**Ban Kiểm soát**

Bà	Vũ Thị Mai Hồng	Trưởng Ban kiểm soát
Bà	Nguyễn Thị Hương	Thành viên
Bà	Phạm Thị Ngọc Lan	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông	Đình Tiến Thành	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 28/04/2020)
Ông	Trần Vũ Tuấn	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 28/04/2020)

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc, *Duy*



**Đình Tiến Thành**

**Giám đốc**

Hà Nội, ngày 18 tháng 05 năm 2021



Số: 153/2021/BCKT-CPA VIETNAM-NVI

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2021  
của Công ty Cổ phần Rượu Hapro**Kính gửi: Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Rượu Hapro**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Rượu Hapro được lập ngày 18 tháng 05 năm 2021, từ trang 06 đến trang 27, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Đến ngày 31/3/2021, Công ty chưa hạch toán phân bổ chi phí trả trước của các năm trước (Ngắn hạn là 5.621.470.344 đồng và dài hạn là 1.454.630.391 đồng) vào kết quả hoạt động kinh doanh với số tiền là 7.076.100.735 đồng. Trong đó, Công ty chưa hạch toán phân bổ chi phí trả trước của các năm trước vào kết quả hoạt động kinh doanh đến ngày 31/3/2020 là 7.102.344.182 đồng. Điều này đã làm Chỉ tiêu Lợi nhuận chưa phân phối (Mã số 421) trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/4/2020 bị trình bày cao hơn với số tiền là 7.102.344.182 đồng và tại ngày 31/3/2021 bị trình bày cao hơn với số tiền là 7.076.100.735 đồng.

Với những tài liệu Công ty cung cấp, Chúng tôi chưa thu thập được bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp để đánh giá khả năng thu hồi của các tài sản đang được phản ánh trên khoản mục “Tài sản thiếu chờ xử lý” trên Bảng Cân đối kế toán tại thời điểm 31 tháng 03 năm 2021 với giá trị 3.188.013.102 đồng (tại 31 tháng 03 năm 2020 là 3.188.013.102 đồng). Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về khả năng thu hồi của các tài sản thiếu này tại thời điểm 31/03/2021 cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đối với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc tới thuyết minh số 4 bản thuyết minh Báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 03 năm 2021, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn 288.857.394 đồng, lỗ lũy kế của Công ty là 18.264.062.437 đồng. Trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, Công ty có kết quả kinh doanh lỗ với số tiền 923.717.419 đồng và lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh âm với số tiền 129.400.136 đồng. Những điều kiện trên cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Vấn đề này không ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.



**Vũ Ngọc Ân**

**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số 01/2021/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2021 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 18 tháng 05 năm 2021

**Nguyễn Khánh Minh**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4484-2018-137-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU HAPRO**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Mẫu B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021

TÀI SẢN	MS	TM	31/03/2021	01/04/2020
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>11.000.834.797</b>	<b>10.939.105.974</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>16.780.819</b>	<b>145.995.440</b>
1. Tiền	111		16.780.819	145.995.440
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>3.944.146.493</b>	<b>3.773.857.333</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	979.722.550	946.458.550
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	53.927.526	53.927.526
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	621.437.865	484.412.705
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(898.954.550)	(898.954.550)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.6	3.188.013.102	3.188.013.102
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.7</b>	<b>1.353.078.190</b>	<b>1.356.167.091</b>
1. Hàng tồn kho	141		1.353.078.190	1.893.639.919
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(537.472.828)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.686.829.295</b>	<b>5.663.086.110</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	5.667.554.170	5.654.956.920
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		11.145.935	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	8.129.190	8.129.190
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>15.113.394.957</b>	<b>15.817.250.861</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>6.239.950.536</b>	<b>6.873.947.904</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	6.239.950.536	6.873.947.904
- Nguyên giá	222		14.607.833.877	14.607.833.877
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.367.883.341)	(7.733.885.973)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	-	-
- Nguyên giá	228		79.500.000	79.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(79.500.000)	(79.500.000)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>522.064.418</b>	<b>522.064.418</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	522.064.418	522.064.418
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>8.351.380.003</b>	<b>8.421.238.539</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	8.351.380.003	8.421.238.539
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>26.114.229.754</b>	<b>26.756.356.835</b>
(270 = 100+200)				

**CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU HAPRO**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Mẫu B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/03/2021	01/04/2020
			VND	VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>11.399.692.191</b>	<b>11.118.101.853</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>11.289.692.191</b>	<b>11.118.101.853</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	6.465.405.204	6.340.845.407
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	992.367.395	1.102.367.395
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	-	2.168.969
4. Phải trả người lao động	314		752.601.702	530.579.843
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.15	50.000.000	50.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	1.829.317.890	1.892.140.239
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	1.200.000.000	1.200.000.000
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>110.000.000</b>	<b>-</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.16	110.000.000	-
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>14.714.537.563</b>	<b>15.638.254.982</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.18</b>	<b>14.714.537.563</b>	<b>15.638.254.982</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		32.978.600.000	32.978.600.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>32.978.600.000</i>	<i>32.978.600.000</i>
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(18.264.062.437)	(17.340.345.018)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	<i>421a</i>		<i>(17.340.345.018)</i>	<i>(15.658.032.905)</i>
- LNST chưa phân phối kỳ này	<i>421b</i>		<i>(923.717.419)</i>	<i>(1.682.312.113)</i>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>26.114.229.754</b>	<b>26.756.356.835</b>

Hà Nội, ngày 18 tháng 05 năm 2021

Người lập

Phụ trách kế toán

Giám đốc





Nguyễn Thị Hương

Đặng Thị Tuyết

Đinh Tiến Thành

**CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU HAPRO**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Mẫu B 02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm tài chính	Năm tài chính
			kết thúc ngày 31/03/2021 VND	kết thúc ngày 31/03/2020 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.19	1.005.386.733	1.106.853.928
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		1.005.386.733	1.106.853.928
4. Giá vốn hàng bán	11	5.20	640.513.817	747.564.124
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		364.872.916	359.289.804
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.21	185.515	849.586
7. Chi phí tài chính	22	5.22	43.999.996	44.120.544
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		43.999.996	44.120.544
8. Chi phí bán hàng	24	5.23	-	7.019.088
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.23	1.126.757.640	1.999.302.999
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		(805.699.205)	(1.690.303.241)
11. Thu nhập khác	31		-	7.991.128
12. Chi phí khác	32	5.24	118.018.214	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.24	(118.018.214)	7.991.128
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		(923.717.419)	(1.682.312.113)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.25	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(923.717.419)	(1.682.312.113)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.26	(280,10)	(510,12)

Hà Nội, ngày 18 tháng 05 năm 2021

Người lập

Phụ trách kế toán

Giám đốc





Nguyễn Thị Hương

Đặng Thị Tuyết

Đinh Tiên Thành



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

CHỈ TIÊU	MS	Năm tài chính	Năm tài chính
		kết thúc ngày 31/03/2021	kết thúc ngày 31/03/2020
		VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	1.073.889.517	1.202.355.256
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(220.580.373)	(152.708.784)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(476.424.667)	(491.167.160)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(8.283.426)	-
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	7.474.840	115.599.451
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(505.476.027)	(708.881.906)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	<i>(129.400.136)</i>	<i>(34.803.143)</i>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	185.515	849.586
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	<i>185.515</i>	<i>849.586</i>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<i>-</i>	<i>-</i>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	50	<b>(129.214.621)</b>	<b>(33.953.557)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60	<b>145.995.440</b>	<b>179.948.997</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	70	<b>16.780.819</b>	<b>145.995.440</b>

Hà Nội, ngày 18 tháng 05 năm 2021

Người lập

Phụ trách kế toán

Giám đốc





Nguyễn Thị Hương

Đặng Thị Tuyết

Đình Tiến Thành

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Rượu Hapro (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102164984 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 02 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 26 tháng 06 năm 2020.

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài: Hapro Volka Joint Stock Company.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 05 ngày 26/06/2020 là 32.978.600.000 đồng (*Ba mươi hai tỷ, chín trăm bảy mươi tám triệu, sáu trăm nghìn đồng*).

Địa chỉ trụ sở chính: Khu công nghiệp Hapro, xã Lệ Chi, huyện Gia Lâm, TP.Hà Nội, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên sàn UpCOM với mã cổ phiếu là HAV.

Số lao động bình quân trong năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2021 là 13 người (bình quân năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2020 là 13 người).

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành, nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh cồn, rượu các loại (Không bao gồm kinh doanh quán Bar); Kinh doanh nước uống tinh khiết; Bán buôn đồ uống có cồn (Bán buôn rượu mạnh, bán buôn rượu vang, bán buôn bia); Mua rượu vang ở dạng thùng rồi đóng chai mà không làm thay đổi thành phần của rượu; Rượu vang và bia có chứa cồn ở nồng độ thấp hoặc không chứa cồn; Bán buôn đồ uống không có cồn (Bán buôn đồ uống nhẹ không chứa cồn, ngọt; có hoặc không có ga như: coca cola; pepsi cola; nước cam, chanh, nước quả khác; bán buôn nước khoáng thiên nhiên hoặc nước tinh khiết đóng chai khác);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân phối vào đâu, chi tiết: Kinh doanh các loại vật tư, thiết bị, bao bì dùng cho ngành thực phẩm;
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh, chi tiết: Sản xuất, chế biến rượu, cồn công nghiệp và y tế; sản xuất, chế biến cồn, rượu thực phẩm;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng, chi tiết: sản xuất nước uống tinh khiết;
- Vận tải hành khách đường bộ khác, chi tiết: vận hành hàng hóa đường bộ bằng ô tô;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Tư vấn chuyên gia công nghệ;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, chi tiết: Lắp đặt, cung cấp thiết bị, dây chuyền sản xuất cồn, rượu;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn tổng hợp;
- Nhà hàng và các dịch ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ đóng gói (Không bao gồm sang chai đóng gói thuốc bảo vệ thực vật);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu, chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Cho thuê kho bãi.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2021 là: Cho thuê mặt bằng và kinh doanh cồn, rượu.



**1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

**2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/04 năm trước và kết thúc vào ngày 31/03 năm sau.

Báo cáo tài chính được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2021.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung và ghi sổ bằng máy vi tính.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Giả định hoạt động liên tục**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn 288.857.394 đồng, lỗ lũy kế của Công ty là 18.264.062.437 đồng. Trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, Công ty có kết quả kinh doanh lỗ với số tiền 923.717.419 đồng và lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh âm với số tiền 129.400.136 đồng. Tuy nhiên, Ban giám đốc đánh giá Công ty sẽ tiếp tục duy trì hoạt động trong ít nhất 12 tháng tới bằng việc xây dựng phương án tái cơ cấu hoạt động Công ty, duy trì nguồn lực hiện có và tích cực thu hồi công nợ cũ. Theo đó, Báo cáo tài chính của Công ty vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán).
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi bổ sung một số điều thông tư 45/2013/TT-BTC, Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

**a. Nguyên tắc kế toán**

**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

**Tài sản cố định vô hình**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình (Tiếp theo)****b. Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<b>Thời gian khấu hao (Số năm)</b>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 45
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo thời gian hữu dụng ước tính.

**Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận vay**

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước về cho thuê nhà xưởng, mặt bằng; không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong năm kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

**Đối với hoạt động sản xuất và thương mại**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Đối với hoạt động cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (04) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

##### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

##### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế khác**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

##### **Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### **Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

##### **Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là Công ty mẹ, các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

##### **Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh rượu, cho thuê kho và trong lãnh thổ Việt Nam, do đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận.



**CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU HAPRO**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/03/2021	01/04/2020
	VND	VND
Tiền mặt	9.017.383	20.536.285
Tiền gửi ngân hàng	7.763.436	125.459.155
<b>Tổng</b>	<b>16.780.819</b>	<b>145.995.440</b>

**5.2 Phải thu khách hàng**

	31/03/2021	01/04/2020
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>979.722.550</b>	<b>946.458.550</b>
Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia cầm	141.284.421	141.284.421
Công ty TNHH MTV SX và TM Thanh Thảo	96.601.815	96.601.815
Công ty TNHH SX & TM Trường An	100.500.027	100.500.027
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP	33.058.345	33.058.345
Phải thu khách hàng ngắn hạn khác	608.277.942	575.013.942
<i>Trong đó phải thu các bên liên quan</i>	<i>229608713</i>	<i>229608713</i>
<i>(Chi tiết tại thuyết minh số 6.1)</i>		
<b>Tổng</b>	<b>979.722.550</b>	<b>946.458.550</b>

**5.3 Trả trước cho người bán**

	31/03/2021	01/04/2020
	VND	VND
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>53.927.526</b>	<b>53.927.526</b>
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Kinh Bắc	45.927.526	45.927.526
Công ty TNHH Hoàng Anh 1	8.000.000	8.000.000
<b>Tổng</b>	<b>53.927.526</b>	<b>53.927.526</b>

**5.4 Phải thu khác***Đơn vị tính: VND*

	31/03/2021		01/04/2020	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	621.437.865	-	484.412.705	-
Tạm ứng	280.637.889	-	136.137.889	-
Phải thu khác	340.799.976	-	348.274.816	-
- Nguyễn Đắc Kiên	208.259.645	-	208.259.645	-
- Đối tượng khác	132.540.331	-	140.015.171	-
<b>Tổng</b>	<b>621.437.865</b>	<b>-</b>	<b>484.412.705</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU HAPRO**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.5 Nợ xấu**

*Đơn vị tính: VND*

	31/03/2021		01/04/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	898.954.550	-	898.954.550	-
Trong đó:				<b>Quá hạn trên 3 năm</b>
Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia cầm				141.284.421
Công ty TNHH MTV SX và TM Thanh Thảo				96.601.815
Công ty TNHH SX&TM Trường An				100.500.027
Các đối tượng khác				560.568.287
<b>Tổng</b>				<b>898.954.550</b>

**5.6 Tài sản thiếu chờ xử lý**

*Đơn vị tính: VND*

	31/03/2021		01/04/2020	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Hàng tồn kho thiếu chờ xử lý		3.188.013.102		3.188.013.102
<b>Tổng</b>		<b>3.188.013.102</b>		<b>3.188.013.102</b>

**5.7 Hàng tồn kho**

*Đơn vị tính: VND*

	31/03/2021		01/04/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	70.812.627	-	442.364.124	371.551.937
Công cụ, dụng cụ	-	-	161.914.565	161.914.562
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.173.789.946	-	1.174.479.505	-
Thành phẩm	108.475.617	-	110.875.389	-
Hàng hóa	-	-	4.006.336	4.006.329
<b>Tổng</b>	<b>1.353.078.190</b>	<b>-</b>	<b>1.893.639.919</b>	<b>537.472.828</b>

**5.8 Chi phí trả trước**

	31/03/2021	01/04/2020
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>5.667.554.170</b>	<b>5.654.956.920</b>
Các khoản chi phí khác ngắn hạn	5.667.554.170	5.654.956.920
<b>Dài hạn</b>	<b>8.351.380.003</b>	<b>8.421.238.539</b>
Chi phí chuyển nhượng quyền thuê đất	6.749.782.609	6.940.364.701
Các khoản chi phí khác dài hạn	1.601.597.394	1.480.873.838
<b>Tổng</b>	<b>14.018.934.173</b>	<b>14.076.195.459</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU HẠPPO**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

**5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng
<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư tại 01/04/2020	11.510.206.167	2.862.321.731	235.305.979	14.607.833.877
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/03/2021	11.510.206.167	2.862.321.731	235.305.979	14.607.833.877
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư tại 01/04/2020	4.697.496.918	2.801.083.076	235.305.979	7.733.885.973
Tăng trong năm	622.303.476	11.693.892	-	633.997.368
Khấu hao trong năm	622.303.476	11.693.892	-	633.997.368
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/03/2021	5.319.800.394	2.812.776.968	235.305.979	8.367.883.341
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại 01/04/2020	6.812.709.249	61.238.655	-	6.873.947.904
Tại 31/03/2021	6.190.405.773	49.544.763	-	6.239.950.536

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/03/2021 là 3.292.714.710 đồng (tại 31/03/2020 là 3.213.214.710 đồng).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.10 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư tại 01/04/2020	47.000.000	32.500.000	79.500.000
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/03/2021	47.000.000	32.500.000	79.500.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư tại 01/04/2020	47.000.000	32.500.000	79.500.000
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/03/2021	47.000.000	32.500.000	79.500.000
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 01/04/2020	-	-	-
Tại 31/03/2021	-	-	-

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/03/2021 là 79.500.000 đồng (tại 31/03/2020 là 79.500.000 đồng).

**5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/03/2021 VND	01/04/2020 VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	522.064.418	522.064.418
Mua sắm	171.428.571	171.428.571
Xây dựng cơ bản	350.635.847	350.635.847
- <i>Phí dự án KCN và Chế xuất Hà Nội</i>	350.635.847	350.635.847
<b>Tổng</b>	<b>522.064.418</b>	<b>522.064.418</b>

**5.12 Phải trả người bán**

*Đơn vị tính: VND*

	31/03/2021		01/04/2020	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	6.465.405.204	6.465.405.204	6.340.845.407	6.340.845.407
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP	2.289.375.706	2.289.375.706	2.202.151.259	2.202.151.259
Tổng Công ty thương mại Hà Nội - CTCP - Trung tâm kinh doanh miễn thuế	2.447.146.336	2.447.146.336	2.567.146.336	2.567.146.336
Phải trả người bán ngắn hạn khác	1.728.883.162	1.728.883.162	1.571.547.812	1.571.547.812
<i>Trong đó, Phải trả người bán là các bên liên quan</i>	<i>5.310.784.827</i>	<i>5.310.784.827</i>	<i>5.343.560.380</i>	<i>5.343.560.380</i>
<i>Chi tiết tại thuyết minh 6.1</i>				
<b>Tổng</b>	<b>6.465.405.204</b>	<b>6.465.405.204</b>	<b>6.340.845.407</b>	<b>6.340.845.407</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU HAPRO**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.13 Người mua trả tiền trước**

	31/03/2021	01/04/2020
	VND	VND
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>992.367.395</b>	<b>1.102.367.395</b>
Công ty CP Đầu tư TM Hapro Đà Nẵng	581.664.624	581.664.624
Công ty TNHH thiết bị GD Đức Thanh	-	110.000.000
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP - TTPTTT Nội địa	361.808.923	361.808.923
Đối tượng khác	48.893.848	48.893.848
<i>Trong đó, Người mua trả trước là các bên liên quan</i>	<i>410.702.771</i>	<i>410.702.771</i>
<i>(Chi tiết tại thuyết minh số 6.1)</i>		
<b>Tổng</b>	<b>992.367.395</b>	<b>1.102.367.395</b>

**5.14 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước***Đơn vị tính: VND*

	01/04/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/03/2021
<b>Phải nộp</b>	<b>2.168.969</b>	<b>208.925.555</b>	<b>211.094.524</b>	-
Thuế giá trị gia tăng	2.168.969	166.461.525	168.630.494	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	1.116.466	1.116.466	-
Thuế TNDN	-	8.283.426	8.283.426	-
Thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	29.064.138	29.064.138	-
<b>Phải thu</b>	<b>8.129.190</b>	-	-	<b>8.129.190</b>
Thuế thu nhập cá nhân	8.129.190	-	-	8.129.190

**5.15 Doanh thu chưa thực hiện**

	31/03/2021	01/04/2020
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>50.000.000</b>	<b>50.000.000</b>
Doanh thu nhận trước cho thuê nhà xưởng	50.000.000	50.000.000
<b>Tổng</b>	<b>50.000.000</b>	<b>50.000.000</b>

5.16 Phải trả khác

	31/03/2021	01/04/2020
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.829.317.890</b>	<b>1.892.140.239</b>
Kinh phí công đoàn	65.393.114	60.473.914
Bảo hiểm xã hội	206.809.879	197.247.070
Bảo hiểm y tế	41.331.666	39.297.622
Bảo hiểm thất nghiệp	61.280.999	60.330.951
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.454.502.232	1.534.790.682
<i>Bảo hiểm xã hội Huyện Gia Lâm</i>	<i>294.600</i>	<i>80.583.050</i>
<i>Phải trả về góp vốn (i)</i>	<i>1.385.000.000</i>	<i>1.385.000.000</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>69.207.632</i>	<i>69.207.632</i>
<i>Trong đó, Phải trả khác là các bên liên quan</i>	<i>528.544.440</i>	<i>528.544.440</i>
<i>(Chi tiết tại thuyết minh số 6.1)</i>		
<b>Dài hạn</b>	<b>110.000.000</b>	-
Nhận ký quỹ, ký cược	110.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>1.939.317.890</b>	<b>1.892.140.239</b>

(i) Khoản phải trả các cổ đông về khoản tiền Công ty đã thu để tăng vốn theo dự kiến nhưng chưa hoàn thành thủ tục tăng vốn.

010  
 CÔNG  
 TNHH  
 VIỆT  
 NAM



**CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU HAPRO**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

**5.17 Vay và nợ thuê tài chính**

Đơn vị tính: VND

	31/03/2021		Phát sinh trong năm			01/04/2020
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>						
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Bình Minh Việt (i)	1.200.000.000	1.200.000.000	-	-	1.200.000.000	1.200.000.000
Nguyễn Thị Hồng Vân (ii)	300.000.000	300.000.000	-	-	300.000.000	300.000.000
Tổng Công ty thương mại Hà Nội - CTCP (iii)	100.000.000	100.000.000	-	-	100.000.000	100.000.000
<b>Tổng</b>	<b>800.000.000</b>	<b>800.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>800.000.000</b>	<b>800.000.000</b>
<b>Trong đó, Vay là các bên liên quan</b> (Chỉ tiết tại thuyết minh số 6.1)						
<b>Tổng</b>	<b>1.200.000.000</b>	<b>1.200.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.200.000.000</b>	<b>1.200.000.000</b>

(i) Hợp đồng vay vốn ngắn hạn số 01/HEVV-2014 ngày 02/01/2014 và phụ lục hợp đồng vay vốn ngắn hạn ngày 01/04/2020; số tiền vay ban đầu là 300.000.000 đồng; lãi suất vay được đàm phán sau khi kết thúc hợp đồng; mục đích vay phục vụ sản xuất kinh doanh. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(ii) Hợp đồng vay vốn ngắn hạn số 03/HEVV/2013 và phụ lục hợp đồng vay vốn ngày 15/03/2020, số tiền vay ban đầu là 100.000.000 đồng, lãi suất vay được đàm phán sau khi kết thúc hợp đồng, mục đích vay phục vụ sản xuất kinh doanh. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(iii) Hợp đồng vay số 01/12/Hapro-CTR ngày 04/07/2012 và phụ lục hợp đồng gia hạn thời hạn vay đến 31 tháng 03 năm 2020; số tiền vay ban đầu là 1.000.000.000 đồng, lãi suất điều chỉnh theo lãi suất của Tổng Công ty huy động từ các tổ chức, cá nhân; mục đích vay phục vụ sản xuất kinh doanh. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

**CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU HAPRO**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

**5.18 Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/04/2019	32.978.600.000	(15.658.032.905)	17.320.567.095
Lỗ trong năm	-	(1.682.312.113)	(1.682.312.113)
Số dư tại 31/03/2020	32.978.600.000	(17.340.345.018)	15.638.254.982
Số dư tại 01/04/2020	32.978.600.000	(17.340.345.018)	15.638.254.982
Lỗ trong năm	-	(923.717.419)	(923.717.419)
Số dư tại 31/03/2021	32.978.600.000	(18.264.062.437)	14.714.537.563

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/03/2021 VND	01/04/2020 VND
Tổng Công ty thương mại Hà Nội-CTCP	18.000.000.000	18.000.000.000
Công ty Cổ phần Vang Thăng Long	1.000.000.000	1.000.000.000
Các cổ đông khác	13.978.600.000	13.978.600.000
<b>Tổng</b>	<b>32.978.600.000</b>	<b>32.978.600.000</b>

**c. Cổ phiếu**

	Năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2021 Cổ phiếu	Năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.297.860	3.297.860
Cổ phiếu phổ thông	3.297.860	3.297.860
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**5.19 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2021 VND	Năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2020 VND
Doanh thu bán hàng hóa	2.535.823	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.002.850.910	1.106.853.928
<b>Tổng</b>	<b>1.005.386.733</b>	<b>1.106.853.928</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU HAPRO**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.20 Giá vốn hàng bán**

	Năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2021 VND	Năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2020 VND
Giá vốn bán hàng hóa	2.187.172	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ	638.326.645	747.564.124
<b>Tổng</b>	<b>640.513.817</b>	<b>747.564.124</b>

**5.21 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2021 VND	Năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	185.515	849.586
<b>Tổng</b>	<b>185.515</b>	<b>849.586</b>

**5.22 Chi phí tài chính**

	Năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2021 VND	Năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2020 VND
Lãi tiền vay	43.999.996	44.120.544
<b>Tổng</b>	<b>43.999.996</b>	<b>44.120.544</b>

**5.23 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2021 VND	Năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2020 VND
<b>Chi phí bán hàng</b>	-	<b>7.019.088</b>
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	250.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	2.437.537
Chi phí khác bằng tiền	-	4.331.551
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>1.126.757.640</b>	<b>1.999.302.999</b>
Chi phí nhân viên quản lý	793.598.676	756.015.795
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	4.000.000
Chi phí dự phòng	-	898.954.550
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.392.462	34.462.066
Chi phí khác bằng tiền	279.766.502	305.870.588
<b>Tổng</b>	<b>1.126.757.640</b>	<b>2.006.322.087</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU HAPRO**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.24 Thu nhập khác, Chi phí khác**

	Năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2021 VND	Năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2020 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Các khoản khác	-	7.991.128
<b>Tổng</b>	-	7.991.128
<b>Chi phí khác</b>		
Phạt hành chính, BHXH, phạt thuế	118.018.214	-
<b>Tổng</b>	118.018.214	-
<b>Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)</b>	<b>(118.018.214)</b>	<b>7.991.128</b>

**5.25 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2021 VND	Năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2020 VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**5.26 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2021 VND	Năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2020 VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)</b>	<b>(923.717.419)</b>	<b>(1.682.312.113)</b>
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>(923.717.419)</b>	<b>(1.682.312.113)</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	3.297.860	3.297.860
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</b>	<b>(280,10)</b>	<b>(510,12)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU HAPRO**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.27 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2021 VND	Năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2020 VND
Chi phí dự phòng	-	898.954.550
Chi phí nhân công	793.598.676	756.015.795
Chi phí khấu hao tài sản cố định	633.997.368	703.580.850
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.392.462	34.462.066
Chi phí khác bằng tiền	283.766.502	314.202.139
<b>Tổng</b>	<b>1.760.755.008</b>	<b>2.707.215.400</b>

**6. THÔNG TIN KHÁC****6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****a. Danh sách bên liên quan**Bên liên quan

Trần Vũ Tuấn

Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP

Công ty CP Vang Thăng Long

Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia cầm

Công ty CP XNK TCMN &amp; DL

Thương Nhân Hapro

Công ty CP Phân phối Hapro

Công ty CP Siêu thị Hà Nội

Mối quan hệChủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc  
(đã miễn nhiệm trong năm)

Công ty mẹ

Cổ đông

Cùng Công ty mẹ

Cùng Công ty mẹ

Cùng Công ty mẹ

Cùng Công ty mẹ

**b. Thu nhập của các nhân sự chủ chốt**

	Năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2021 VND	Năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2020 VND
Ông Trần Vũ Tuấn	500.000	6.000.000
Tiền lương		
<b>Tổng</b>	<b>500.000</b>	<b>6.000.000</b>

**c. Giao dịch với bên liên quan**

	Năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2021 VND	Năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2020 VND
<b>Bán hàng</b>	-	149.833.518
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP	-	149.833.518
<b>Mua hàng</b>	39.294.955	125.224.842
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP	39.294.955	125.224.842
<b>Lãi vay</b>	43.999.996	44.120.544
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP	43.999.996	44.120.544



**CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU HAPRO**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)****d. Số dư với bên liên quan**

	31/03/2021	01/04/2020
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>229.608.713</b>	<b>229.608.713</b>
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP	33.058.345	33.058.345
Công ty CP Vang Thăng Long	3.746.001	3.746.001
Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia cầm	141.284.421	141.284.421
Công ty CP XNK TCMN & DL	51.519.946	51.519.946
Thương Nhân Hapro		
<b>Phải trả người bán</b>	<b>5.310.784.827</b>	<b>5.343.560.380</b>
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP	4.736.522.042	4.769.297.595
Công ty CP Phân phối Hapro	574.262.785	574.262.785
<b>Người mua trả tiền trước</b>	<b>410.702.771</b>	<b>410.702.771</b>
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP	410.702.771	410.702.771
<b>Phải trả khác ngắn hạn</b>	<b>528.544.440</b>	<b>528.544.440</b>
Trần Vũ Tuấn	500.000.000	500.000.000
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP	28.544.440	28.544.440
<b>Vay và nợ</b>	<b>800.000.000</b>	<b>800.000.000</b>
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP	800.000.000	800.000.000

**6.2 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT với ý kiến ngoại trừ.

Hà Nội, ngày 18 tháng 05 năm 2021

Người lập

Phụ trách kế toán

Giám đốc





Nguyễn Thị Hường

Đặng Thị Tuyết

Đinh Tiến Thành